

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 205/2024/HS-ST
Ngày 26-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Hân

Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 178/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

V, sinh ngày 17 tháng 11 năm 1992 tại Hải Phòng. Nơi đăng ký thường trú: Thôn B, xã D, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Thôn 2, xã T, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông N và bà H; có vợ P và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 31/5/2024 đến ngày 05/6/2024 chuyển tạm giam; có mặt.

- Bị hại: Anh K sinh năm 1992; nơi đăng ký thường trú: Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Hưng Yên; nơi ở hiện tại: Thôn Đường 10, xã D, huyện Thủy TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh D; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/5/2024 Công an xã D nhận được đơn trình báo của anh Đỗ Văn Kiên, sinh năm 1992; nơi đăng ký thường trú: Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Hưng

Yên; nơi ở hiện tại: Thôn Đường 10, xã D, huyện TN, thành phố Hải Phòng về việc vào khoảng 21 giờ ngày 16/5/2024 bị một người nam giới tên Hoàng có hành vi chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng tại cửa hàng điện thoại M thuộc thôn Đường 10, xã D, huyện TN, thành phố Hải Phòng và anh K đã giao nộp 01 USB nhãn hiệu Kingston 2GB bên trong có ghi lại hình ảnh đối tượng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

Qua điều tra xác minh đã xác định V là người đã chiếm đoạt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng của anh Đỗ Văn Kiên. Ngày 31/5/2024 V đến Công an xã D đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TN V khai: Khoảng 20 giờ 40 phút ngày 16/5/2024 V gọi điện cho anh D, sinh năm 1993; nơi cư trú: Xã H, huyện TN, thành phố Hải Phòng (là bạn của V) nhờ anh D chở đến cửa hàng điện thoại di động Minh Cường thuộc thôn Đường 10, xã D, huyện TN, thành phố Hải Phòng do anh Klàm chủ cửa hàng để cầm cố điện thoại của V nhưng anh Kkhông đồng ý. Trong lúc đứng nói chuyện với chị Giáp Thị Tầm (là vợ anh Đỗ Văn Kiên), V quan sát thấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng đựng trong túi nilon để trên mặt bàn quầy sửa chữa điện thoại nên V đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản trên. V quan sát thấy anh Kvà chị Giáp Thị Tầm không để ý, V đã lấy chiếc điện thoại trên cất giấu vào túi quần rồi đi ra khỏi quán. Sau đó V gọi điện thoại cho Đến chở V đi cầm cố điện thoại vừa chiếm đoạt được của anh Đỗ Văn Kiên. Anh Dđã chở V đến gặp anh Hsinh năm 1996; nơi cư trú: Xã Hoa Động, huyện TN, thành phố Hải Phòng cầm cố điện thoại được số tiền là 3.000.000 đồng, V trả cho anh Dtiền công chở là 100.000 đồng, số tiền còn lại V ăn tiêu cá nhân hết. Khi cầm cố điện thoại V không nói cho anh D và anh H biết là tài sản do V phạm tội mà có.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TN bị hại là anh K khai: Khoảng 21 giờ ngày 16/5/2024 V đến cửa hàng điện thoại M thuộc thôn Đường 10, xã D, huyện TN, thành phố Hải Phòng do anh K làm chủ cửa hàng để cầm cố điện thoại của V nhưng anh Kkhông đồng ý. Đến khoảng 08 giờ ngày 17/5/2024 anh K kiểm tra cửa hàng thì phát hiện bị mất 01 chiếc điện thoại Iphone 11 màu trắng. Sau đó anh K đã kiểm tra camera an ninh đặt trong cửa hàng thì thấy vào khoảng 21 giờ 27 phút ngày 16/5/2024 V lấy 01 túi nilon bên trong có 01 chiếc điện thoại Iphone 11 màu trắng tại quầy sửa chữa của cửa hàng cho vào túi quần phía trước bên trái rồi đi ra khỏi cửa hàng. Sau khi phát hiện bị mất điện thoại anh Kđã làm đơn trình báo cơ quan Công an. Cơ quan Công an đã trả lại 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 màu trắng cho anh K. Nay anh K không có yêu cầu đề nghị gì khác và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho V.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TN H khai: Khi cầm cố điện thoại của V, anh H không biết là tài sản do V phạm tội mà có. Sau khi được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TN cho biết đó là tài sản do V phạm tội mà có anh H đã bảo D giao nộp chiếc điện thoại trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TN để trả lại cho bị hại. Gia đình V đã trả lại cho anh Hsố tiền 3.000.000 đồng bỏ ra cầm cố điện thoại. Nay anh H không có yêu cầu gì khác.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐĐGTS ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TN kết luận: 01 chiếc điện thoại Iphone 11 màu trắng, dung lượng 64GB (không gắn thẻ) đã qua sử dụng trị giá 4.500.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 2332/KL-KTHS ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: 01 tập tin video có phần mở rộng “MOV” dung lượng 22,2 MB (MD5: DE7792B91FAF35BCF8045C813BCAF5CE) được lưu trong 01 USB nhãn hiệu Kingston 02 GB đã qua sử dụng không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh.

Bản cáo trạng số 200/CT-VKSTN ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo V về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng. Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng truy tố về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng trình bày lời luận tội đối với bị cáo V, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị kết tội bị cáo V về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự theo toàn bộ nội dung cáo trạng. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo V từ 12 đến 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/5/2024. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo V. Về án phí: Bị cáo V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện TN, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TN và Kiểm sát viên thu thập và tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện TN, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, Kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về trình tự thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện TN, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, Kiểm sát viên thu thập và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định

tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thu thập và thực hiện điều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo V tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TN, phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản xác định hiện trường, kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐĐGTS ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, kết luận giám định số 2332/KL-KTHS ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa đã có đủ căn cứ kết luận: Ngày 16 tháng 5 năm 2024 bị cáo V đã thực hiện hành vi lén lút để chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 màu trắng dung lượng 64GB (không gắn thẻ) đã qua sử dụng của anh K trị giá 4.500.000 đồng tại cửa hàng điện thoại M thuộc thôn Đường 10, xã D, huyện TN, thành phố Hải Phòng nên bị cáo V đã phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng đã truy tố và đề nghị kết tội bị cáo V về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng điều luật.

[3] Xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo và quyết định hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo V là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo V ra đầu thú, thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thiệt hại gây ra không lớn và bị hại là anh K có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo V không có tiền án, tiền sự.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo V, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo V phạm tội ít nghiêm trọng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo là người nghiện ma túy nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù với mức hình phạt trên khởi điểm của khung hình phạt nhưng dưới mức đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa đối với bị cáo, buộc bị cáo V phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét bị

cáo V không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo V.

[4] Về bồi thường thiệt hại: Tài sản chiếm đoạt là 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 màu trắng dung lượng 64GB (không gắn thẻ) đã qua sử dụng đã được thu hồi trả lại cho bị hại là anh K, nay bị hại là anh K không yêu cầu gì thêm về bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Trong vụ án này D chở V đi cầm cố điện thoại nhưng không biết đó là tài sản do V phạm tội mà có. Hcó hành vi cầm cố điện thoại của V nhưng biết là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TN không xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự

Tuyên bố bị cáo V phạm tội Trộm cắp tài sản

Xử phạt bị cáo V 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ tạm giữ (ngày 31 tháng 5 năm 2024).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo V phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- PV 06 Công an thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện TN;
- Cơ quan điều tra Công an huyện TN;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện TN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hiền

